

Số: 2312/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước
được giao năm 2022**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao năm 2022.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02).



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thuý

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2312/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: đồng

TT	Trường	Nguồn tự chủ	Nguồn không tự chủ tự chủ
1	2	3	4
TỔNG CỘNG		249.372.675.044	31.157.247.000
I	Khối mầm non	75.333.373.044	9.469.359.400
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	5.032.000.000	697.250.000
2	Trường Mầm non Hà An	4.120.000.000	740.821.400
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	3.304.220.748	232.841.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	4.745.000.000	823.178.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	3.653.696.000	391.337.200
6	Trường Mầm non Phong Cốc	3.311.883.609	589.400.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	3.841.308.159	566.200.000
8	Trường Mầm non Tiên An	4.056.934.294	328.500.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	2.372.675.000	338.062.100
10	Trường Mầm non Đông Mai	4.767.205.000	658.320.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	3.073.000.000	311.776.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	5.776.706.147	496.812.800
13	Trường Mầm non Liên Hòa	4.211.200.554	328.507.800
14	Trường Mầm non Nam Hòa	3.192.666.464	421.710.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	5.863.000.000	460.571.900
16	Trường Mầm non Tân An	3.230.156.334	463.624.500
17	Trường Mầm non Tiên Phong	1.555.711.492	123.596.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	3.640.200.243	519.395.900
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	5.585.809.000	977.454.800
II	Khối tiểu học	89.117.576.000	7.131.025.300
1	Trường Tiểu học Liên Vị	5.904.000.000	492.908.100
2	Trường Tiểu học Hà An	4.891.000.000	338.560.500
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	7.547.749.000	642.826.700
4	Trường Tiểu học Phong Cốc	3.843.000.000	381.139.000
5	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	4.385.654.000	470.376.500
6	Trường Tiểu học Liên Hòa	5.098.902.000	482.043.500
7	Trường Tiểu học Minh Thành	8.885.245.000	725.836.200
8	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	7.133.288.000	563.151.500
9	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	4.824.000.000	321.228.000
10	Trường Tiểu học Nam Hòa	3.803.902.000	246.852.400

TT	Trường	Nguồn tự chủ	Nguồn không tự chủ*
1	2	3	4
11	Trường Tiểu học Yên Giang	4.108.000.000	176.657.200
12	Trường Tiểu học Tiền An	4.775.369.000	416.887.400
13	Trường Tiểu học Tân An	3.807.000.000	262.654.400
14	Trường Tiểu học Đông Mai	6.624.000.000	445.491.800
15	Trường Tiểu học Phong Hải	4.991.000.000	439.128.200
16	Trường Tiểu học Yên Hải	3.939.467.000	433.995.200
17	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	4.556.000.000	291.288.700
III	Khối Trung học cơ sở	65.985.081.000	12.874.997.500
1	Trường THCS Đông Mai	4.104.000.000	905.607.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	4.705.000.000	1.184.414.200
3	Trường THCS Phong Cốc	3.423.197.000	752.440.700
4	Trường THCS Tiền An	4.021.358.000	470.605.400
5	Trường THCS Cộng Hòa	4.642.427.000	1.071.301.300
6	Trường THCS Phong Hải	3.715.161.000	751.089.800
7	Trường THCS Hà An	3.752.000.000	843.810.100
8	Trường THCS Nam Hòa	2.901.833.000	608.043.600
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	5.646.000.000	1.397.784.000
10	Trường THCS Hiệp Hòa	5.194.661.000	604.889.700
11	Trường THCS Sông Khoai	3.778.197.000	413.739.000
12	Trường THCS Minh Thành	6.012.197.000	1.361.351.400
13	Trường THCS Liên Hòa	3.826.902.000	514.797.600
14	Trường THCS Liên Vị	4.028.502.000	775.166.700
15	Trường THCS Tân An	3.040.646.000	636.938.700
16	Trường THCS Yên Hải	3.193.000.000	583.018.300
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở	18.936.645.000	1.681.864.800
1	Trường TH&THCS Tiền Phong	3.554.000.000	311.927.600
	Trường TH Tiền Phong	1.685.000.000	122.293.600
	Trường THCS Tiền Phong	1.869.000.000	189.634.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La	5.528.234.000	496.468.400
	Trường TH Cẩm La	2.840.873.000	184.549.600
	Trường THCS Cẩm La	2.687.361.000	311.918.800
3	Trường TH&THCS Sông Khoai	5.297.000.000	487.642.900
	Trường TH Sông Khoai	2.658.000.000	289.009.500
	Trường THCS Sông Khoai	2.639.000.000	198.633.400
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân	4.557.411.000	385.825.900
	Trường TH Hoàng Tân	2.365.214.000	123.502.900
	Trường THCS Hoàng Tân	2.192.197.000	262.323.000